| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 857/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8- 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Tuấn Nhu

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:***

Ông Lê Cao Hưng, kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 9, khóm B, phường C, thị xã M, tỉnh An Giang (xin vắng mặt);

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: đường Y, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: đường G, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, không đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2007

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hợp nhau, không hiểu nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên bà và ông L đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng L có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2008. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, bà Nguyễn Thị H (gọi là nguyên đơn) có đơn yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng L (gọi là bị đơn). Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, bị đơn hiện đang tạm trú tại số 2/77/10A đường G, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt

không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét, về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng cho đến nay cả hai không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét, về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2008. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Xét, nguyên đơn hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2008 và trẻ Nguyễn Hoàng Phương N có nguyện vọng được sống với mẹ. Đồng thời, bị đơn không có ý kiến về nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2008 cho đến khi con chung thành niên là có căn cứ.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng L là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2008. Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Hoàng L do bà Nguyễn Thị H chưa yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được cấn trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012136 ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Tuấn Nhu**